

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thái.

Ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-DS ngày 03/3/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-DS ngày 19-6-2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT, địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Ngh, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: tổng giám đốc làm đại diện; Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc Tr – Nhân viên ngân hàng, có mặt (Giấy ủy quyền số 50/2020/UQ-TTT ngày 21-02-2020).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Huyền A, sinh năm 1988, địa chỉ: Khối phố Phú S, phường An Ph, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo tại bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT trình bày:

Ngày 04-10-2012, bà A có ký với ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ba A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 14.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,50%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.100.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ, bà A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.577.000 đồng. và ngày 22-3-2020 bà A có trả thêm cho ngân hàng số tiền là 1.000.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23-3-2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến nay, bà A còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 11.296.727 đồng, nợ lãi quá hạn 24.064.325 đồng. Tổng cộng là 35.361.052 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Huyền A phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền tính đến ngày 14-7-2020 là 35.361.052 (ba mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, không trăm năm mươi hai) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 11.296.727 (mười một triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm hai bảy) đồng và tiền lãi quá hạn là 24.064.325 (hai mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm hai lăm) đồng và thanh toán lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ theo hợp đồng.

Bà Trần Thị Huyền A không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì nên không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ theo trình tự thủ tục các bước tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT: Buộc bà Trần Thị Huyền A phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền tính đến ngày 14-7-2020 là 35.361.052 (ba mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, không trăm năm mươi hai) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 11.296.727 (mười một triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm hai bảy) đồng và tiền lãi quá hạn là 24.064.325 (hai mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm hai lăm) đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Trần Thị Huyền A có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT. Bà A có đăng ký hộ khẩu thường trú, khi

vay sinh sống tại thành phố Tam Kỳ nên theo quy định tại Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn bà A không hợp tác, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Ngày 04-10-2012, bà A có ký với ngân hàng TMCP SGTT hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Theo đó, Ngân hàng TMCP SGTT đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 14.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,50%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng và các khoản phí. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.100.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 23.577.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14-7-2020 bà A còn nợ số tiền là 35.361.052 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 11.296.727 đồng và tiền lãi quá hạn là 24.064.325 đồng. Xét các Hợp đồng và số tiền vay nói trên thì đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự và là hợp đồng hợp pháp được pháp luật công nhận.

Hợp đồng được ký kết giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Ngân hàng cũng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23-3-2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Hiện nay bà A bỏ đi khỏi địa phương và vẫn không trả nợ.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A bỏ đi khỏi địa chỉ cư trú, cố tình trốn tránh thể hiện tại biên bản xác minh ngày 28-5-2020, không hợp tác gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, xét thấy bị đơn bà A không có trách nhiệm về việc trả nợ vay, gây cản trở cho hoạt động của ngân hàng. Vì vậy, buộc bị đơn bà A phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà A phải chịu là 1.768.000 (một triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT. Buộc bà Trần Thị Huyền A phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền tính đến ngày 14-7-2020 là 35.361.052 (ba mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, không trăm năm mươi hai) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 11.296.727 (mười một triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm hai bảy) đồng và tiền lãi quá hạn là 24.064.325 (hai mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm hai lăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14-7-2020) cho đến khi thi hành án xong, bà A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Về án phí: Bà Trần Thị Huyền A phải chịu 1.768.000 (một triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 826.000 (*Tám trăm hai mươi sáu nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0000196 ngày 03-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14-7-2020). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Quảng N;
- VKSND TP Tam K;
- Chi cục THADS TP Tam K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Khôi

